ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI

**TRƯỜNG THCS THỊ TRẤN CÁT BÀ**

**HỘI THI GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ DẠY GIỎI CẤP HUYỆN**

**NĂM HỌC 2024 - 2025**

**BÁO CÁO**

**BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

**TÊN BIỆN PHÁP: “Giải pháp góp phần nâng cao kĩ năng vận dụng kiến thức phần Vật sống - môn Khoa học tự nhiên vào cuộc sống thông qua việc cho học sinh thực nghiệm” tại trường THCS thị trấn Cát Bà.**

**TÁC GIẢ: NGÔ THỊ PHƯỢNG**

**Giáo viên trường: THCS Thị trấn Cát Bà - Huyện Cát Hải**

**Tổ chuyên môn: Khoa học tự nhiên**

***Cát Hải, tháng 02 năm 2025***

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI

**TRƯỜNG THCS THỊ TRẤN CÁT BÀ**

**HỘI THI GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ DẠY GIỎI CẤP HUYỆN**

**NĂM HỌC 2024 - 2025**

**BÁO CÁO**

**BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

**TÊN BIỆN PHÁP**: **“Giải pháp góp phần nâng cao kĩ năng vận dụng kiến thức phần Vật sống - môn Khoa học tự nhiên vào cuộc sống thông qua việc cho học sinh thực nghiệm” tại trường THCS thị trấn Cát Bà.**

**TÁC GIẢ: NGÔ THỊ PHƯỢNG**

**Giáo viên trường: THCS Thị trấn Cát Bà**

**Tổ chuyên môn: Khoa học tự nhiên**

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA HIỆU TRƯỞNG***Biện pháp trên đây đã được đồng chí …………………….. áp dụng tại nhà trường và đạt hiệu quả …… Kết quả này chưa được dùng để xét duyệt thành tích khen thưởng cá nhân đồng chí …………………………………..* | *Cát Hải, tháng 02 năm 2025***TÁC GIẢ***(Kí, ghi rõ họ tên)***Ngô Thị Phượng** |

**MỤC LỤC**

[**I. ĐẶT VẤN ĐỀ** 3](#_Toc191967332)

[**1. Tính cấp thiết** 3](#_Toc191967333)

[**2. Mục tiêu** 4](#_Toc191967334)

[**3. Đối tượng và phương pháp thực hiện** 5](#_Toc191967335)

[**II. NỘI DUNG** 5](#_Toc191967336)

[**1. Thực trạng** 5](#_Toc191967337)

[**2. Giải pháp thực hiện** 6](#_Toc191967338)

[**III. HIỆU QUẢ THỰC HIỆN BIỆN PHÁP** 13](#_Toc191967339)

[**1. Tính mới** 13](#_Toc191967340)

[**2. Tính sáng tạo** 13](#_Toc191967341)

[**IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ** 15](#_Toc191967342)

[**1. Ưu điểm** 15](#_Toc191967343)

[**2. Hạn chế và hướng khắc phục** 15](#_Toc191967344)

[**3. Khả năng nhân rộng biện pháp** 15](#_Toc191967345)

[**V. TÀI LIỆU THAM KHẢO** 15](#_Toc191967346)

**DANH MỤC BẢNG BIỂU**

*Bảng 1. Kết quả khảo sát hứng thú học tập môn Khoa học tự nhiên trước khi thực hiện biện pháp……………………………………………………………………………….......... 6*

*Bảng 2. Kết quả khảo sát chất lượng học tập trước khi thực hiện biện pháp……6*

*Bảng 3. Kết quả khảo sát hứng thú học tập môn Khoa học tự nhiên sau khi thực hiện biện pháp ……………………………………………………………………………….. 14*

*Bảng 4. Kết quả khảo sát chất lượng học tập sau khi thực hiện biện pháp…….. 14*

# **I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

## **1. Tính cấp thiết**

Môn Khoa học tự nhiên hình thành và phát triển cho học sinh những năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; góp phần hình thành và phát triển một số năng lực khác như: năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực công nghệ, năng lực tin học; góp phần phát triển năng lực học tập suốt đời. Bên cạnh đó, môn Khoa học tự nhiên hình thành và phát triển cho học sinh các năng lực chuyên môn về tìm hiểu tự nhiên. Thông qua phương pháp dạy học tích cực hoá hoạt động của người học, nhấn mạnh quá trình chủ động trong việc chiếm lĩnh tri thức khoa học của học sinh để hình thành và phát triển các kỹ năng thực hành và kỹ năng tiến trình: quan sát, đặt câu hỏi và trả lời, lập luận, dự đoán, chứng minh hay bác bỏ giả thuyết bằng thực hành, mô hình hoá, giải thích, vận dụng, tổng hợp kiến thức khoa học để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống. Thông qua các hoạt động học tập của môn học này, phát triển ở học sinh tư duy phản biện; củng cố và phát triển khả năng giao tiếp, khả năng làm việc hợp tác. Vì vậy, thực hành, thí nghiệm trong phòng thực hành, phòng học bộ môn, ngoài thực địa có vai trò và ý nghĩa quan trọng trong dạy học.

 Tuy nhiên, qua thực tế giảng dạy bộ môn nhiều năm tại trường tôi nhận thấy kĩ năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tế của học sinh vào thực tế còn nhiều hạn chế. Các em mới chỉ dừng lại ở việc liên hệ vận dụng kiến thức qua các phát biểu ở tiết học trên lớp, chưa có những hành động cụ thể mang tính áp dụng kiến thức vào thực tế.

 Với mong muốn nâng cao hứng thú và chất lượng dạy học môn Khoa học tự nhiên nói chung, phần Vật sống nói riêng, đồng thời để phát triển một số kỹ năng Khoa học tự nhiên, qua thực tế dạy học, tôi đã tổ chức cho học sinh áp dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống tại gia đình và nhà trường đã đem lại hiệu quả cao. Vì thế tôi mạnh dạn đưa ra biện pháp *“Giải pháp góp phần nâng cao kĩ năng vận dụng kiến thức phần Vật sống - môn Khoa học tự nhiên vào cuộc sống thông qua việc cho học sinh thực nghiệm” tại trường THCS thị trấn Cát Bà.*

## **2. Mục tiêu**

Thông qua việc cho học sinh thực nghiệm có thể kích thích sự hứng thú học tập, nâng cao kĩ năng vận dụng kiến thức cho học sinh từ đó góp phần nâng cao chất lượng dạy học bộ môn, tạo ra một số các sản phẩm phục vụ cho đời sống, sinh hoạt của gia đình.

## **3. Đối tượng và phương pháp thực hiện**

**3.1. Đối tượng áp dụng**

Học sinh lớp 6A2 và 7A4 - trường THCS Thị trấn Cát Bà năm học 2023 – 2024.

**3.2. Phương pháp thực hiện**

- Phương pháp quan sát

- Phương pháp thực hành

- Phương pháp thực nghiệm, khảo sát.

# **II. NỘI DUNG**

## **1. Thực trạng**

**1.1. Thuận lợi**

- Đa số các em học sinh có ý thức học tập tốt, một số em yêu thích học tập bộ môn Khoa học tự nhiên.

- Học sinh được giao nhiệm vụ có ý thức chuẩn bị và sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Các bậc phụ huynh luôn quan tâm, tạo điều kiện cho các con thực hiện các nhiệm vụ học tập của bộ môn.

**1.2. Khó khăn**

- Trình độ nhận thức, khả năng tiếp thu và khả năng vận dụng kiến thức của học sinh không đều, một số học sinh còn lười học, chưa tập trung chú ý, chưa tích cực tham gia vào các hoạt động học tập.

- Những năm gần đây, môn Khoa học tự nhiên không được lựa chọn thi vào 10 -THPT, nên học sinhvà phụ huynh chưa thực sự coi trọng bộ môn, dẫn tới việc chưa đầu tư tâm sức, dẫn tới kết quả học tập bộ môn chưa cao.

- Đối với phần Vật sống cần nhiều các kiến thức thực tế qua thực hành, thí nghiệm, liên hệ ở thực tiễn đời sống. Tuy nhiên, qua thực tế thấy rằng thực trạng học sinh hiện nay vốn kiến thức thực tế rất hạn chế, do các em chưa có nhiều trải nghiệm thông qua các hoạt động thực nghiệm.

Tôi đã tiến hành khảo sát mức độ biểu hiện sự hứng thú đối với môn Khoa học tự nhiên, chất lượng học tập bộ môn thông qua khảo sát học sinh đối với các lớp tôi dạy (lớp 6A2, 7A4 năm học 2023-2024). Kết quả điều tra được thể hiện ở các bảng sau:

*Bảng 1. Kết quả khảo sát hứng thú học tập môn Khoa học tự nhiên trước khi thực hiện biện pháp.*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tổng số học sinh | Đam mêbộ môn | Yêu thíchbộ môn | Không thíchbộ môn |
| Lớp 6A2 | 50 | 8 | 17 | 25 |
| Lớp 7A4 | 42 | 6 | 18 | 18 |

*Bảng 2. Kết quả khảo sát chất lượng học tập trước khi thực hiện biện pháp*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp | Tổng số HS | Điểm 9,10 | Điểm 7,8 | Điểm 5,6 | Điểm < 5 |
| SL | Tỉ lệ % | SL | Tỉ lệ % | SL | Tỉ lệ % | SL | Tỉ lệ % |
| 6A2 | 50 | 5 | 10 | 12 | 24 | 18 | 36 | 15 | 30 |
| 7A4 | 42 | 5 | 11,9 | 9 | 21,4 | 23 | 54,8 | 5 | 11,9 |

Qua kết quả trên cho thấy số lượng học sinh yêu thích bộ còn ít, chất lượng học tập bộ môn chưa cao.

## **2. Giải pháp thực hiện**

**Giải pháp 1. Thay đổi phương pháp giáo dục ý thức bảo vệ sức khỏe cho học sinh.**

Đây là một trong những kỹ năng sống quan trọng hàng đầu đối với học sinh đặc biệt là đối học sinh lớp 6, 7, giúp các em có ý thức giữ gìn và bảo vệ cơ thể. Với kỹ năng này, đòi hỏi các em phải có nhận thức đúng về bản thân và có thể tự thực hiện những việc làm hằng ngày như: vệ sinh cá nhân, lựa chọn trang phục phù hợp, sắp xếp đồ đạc gọn gàng, ngăn nắp hình thành những thói quen tốt…

Ví dụ minh họa: Khi dạy bài 16. Virus và vi khuẩn/ SGK Khoa học tự nhiên 6 (*Bộ sách Cánh diều)*, sau khi học sinh tìm hiểu xong các nội dung bài học, trên cơ sở học sinh biết được môi trường sống của vi khuẩn, vius rất đa dạng và gây ra nhiều bệnh nguy hiểm cho con người. Tôi đã thực hiện giáo dục ý thức bảo vệ sức khỏe cho học sinh thông qua hoạt động “vận dụng”. Cụ thể:

**Mục tiêu:**

**-** Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu đời sống.

**Nội dung:**

- Giúp các em học sinh nhận biết được các hành động và thói quen chưa tốt của bản thân và các bạn xung quanh.

- Vận dụng kiến thức để điều chỉnh những hành động chưa đúng để bảo vệ sức khỏe của mình.

**Sản phẩm:**

**-** Hoàn thiện phiếu học tập: “Nên hay không nên với một số thói quen ảnh hưởng tới sức khỏe của học sinh”.

- Học sinh áp dụng các hành động thói quen tốt vào cuộc sống hàng ngày tại gia đình và nhà trường.

**Tổ chức thực hiện:**

 ***- Chuyển giao nhiệm vụ****:*

Giáo viên phát phiếu học tập yêu cầu học sinh thảo luận theo nhóm (1 bàn 2 học sinh): *“Nên hay không nên với một số thói quen ảnh hưởng tới sức khỏe của học sinh”.*

***- Thực hiện nhiệm vụ***: Học sinh đưa ý kiến, thảo luận nhóm hoàn thiện phiếu học tập

***- Báo cáo thảo luận****:*

+ Lớp phó học tập điều hành mời đại diện một số nhóm báo cáo về kết quả thực hiện của nhóm mình.

+ Các nhóm khác nhận xét và bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện

***- Kết quả và nhận định****:*

Giáo viên hướng dẫn học sinh cả lớp tìm ra đáp án chính xác và phù hợp với các em nhất, nhắc nhở, động viên các em nên hình thành và áp dụng các hành động thói quen tốt vào cuộc sống hàng ngày tại gia đình và nhà trường, tổ chức cho học sinh tham gia một số hoạt động vận dụng như vệ sinh trường, lớp; vệ sinh nhà cửa; chia sẻ các hoạt động thể hiện việc mình đã ứng dụng kiến thức vào cuộc sống.

\* **Hiệu quả đat được**

Thông qua hoạt động vận dụng giúp học sinh khắc sâu được kiến thức về một số tác nhân gây hại cho sức khỏe như vi khuẩn, virus, … Từ đó, các em biết cách vận dụng những kiến thức đã học để bảo vệ sức khỏe của bản thân và những người xung quanh thông qua những hành động, thói quen tốt như: đeo khẩu trang, vệ sinh cá nhân, vệ sinh trường, lớp…..

**Giải pháp 2. Vận dụng kiến thức môn Khoa học tự nhiên để tạo ra một số sản phẩm phục vụ trong cuộc sống hàng ngày**

Thực phẩm là thứ con người sử dụng hàng ngày trong mỗi bữa ăn, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người. Thực phẩm sạch mang đến lợi ích cho sức khỏe và đóng vai trò quan trọng trong bữa ăn hàng ngày như: Cung cấp đầy đủ dưỡng chất, an toàn cho người sử dụng, tăng cường sức đề kháng,…Vì vậy trong quá trình dạy học tôi đã hướng dẫn học sinh áp dụng các kiến thức đã học muối dưa, làm sữa chua, làm giá đỗ… tại nhà.

Ví dụ minh họa: Khi dạy chủ đề “*Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng*”. Tôi hướng dẫn học sinh cách làm giá đỗ bằng chai nhựa phế thải, yêu cầu học sinh giải thích cơ sở của các bước thực hiện, ưu điểm của cách làm này.

**\*Tiến trình thực hiện:**

 **Bước 1:** Lập kế hoạch (thực hiện trên lớp)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| Nêu tên dự án | Cho học sinh làm giá đỗ.Từ đó nêu tên dự án | Nhận biết chủ đề dự án |
| Xây dựng ý tưởng của dự án | - Phân chia nhóm. - Tổ chức cho HS phát triển ý tưởng.- Thống nhất ý tưởng | Hoạt động nhóm, chia sẻ các ý tưởng. |
| Lập kế hoạch thực hiện dự án | - Yêu cầu HS nêu các nhiệm vụ cần thực hiện của dự án. - GV gợi ý bằng các câu hỏi định hướng+ Trình bày những bước làm giá đỗ?+ Dựa vào kiến thức nghiên cứu trong bài giải thích tại sao lại làm những bước như trên?- Từ đó gợi ý cho học sinh những nhiệm vụ cần thực hiện. | - Căn cứ vào chủ đề học tập và gợi ý của GV, HS nêu ra các nhiệm vụ phải thực hiện. - Thảo luận và lên kế hoạch thực hiện nhiệm vụ (nhiệm vụ; người thực hiện; thời lượng; phương pháp; phương tiện; sản phẩm).+ Thiết kế quy trình sản xuất giá đỗ.+ Thực hịên quá trình này trong thực tế. |

**Bước 2:** Thực hiện kế hoạch dự án và xây dựng sản phẩm (thực hiện vào thời gian ở nhà)

\* Chuẩn bị nguyên liệu:

+ Hạt đỗ xanh.

\* Các dụng liên quan:

+ Chai nhựa, giấy bìa hoặc túi bóng đen.

\* Quy trình:

- Ngâm hạt: Cho hạt vào nước, ngâm hạt trong nước vôi trong (hoặc nước hơi ấm) trong thời gian 4-5 giờ (thời gian ngâm tùy thuộc vào chất lượng của hạt).

- Ủ đỗ, chăm sóc sau ủ:

+ Cho đỗ đã ngâm vào trong chai nhựa (có chọc lỗ)

+ Trùm vào bìa hoặc túi bóng đen

+ Trong 1 ngày tưới nước hai lần (sáng, tối)

- Thu hoạch sản phẩm.

Giáo viên yêu cầu học sinh: Viết báo cáo trình bày về sản phẩm: nguyên vật liệu, cách làm, viết nhật ký ghi lại những thay đổi của hạt đỗ (như hình dạng, kích thước, màu sắc…) và gửi trên padlet chia sẻ cho cô giáo và các bạn.

Giáo viên sẵn sàng hướng dẫn, hỗ trợ học sinh trong quá trình hoàn thiện sản phẩm và chuẩn bị báo cáo.

**Bước 3:** Báo cáo kết quả.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| Báo cáo kết quả | - Tổ chức cho các em báo cáo kết quả và phản hồi. - Gợi ý các em nhận xét, bổ sung cho các nhóm khác. | - Các em báo cáo kết quả - Các nhóm tham gia phản hồi về phần trình bày của bạn. |
| Đánh giá | GV hướng dẫn HS tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng. Sau đó GV sẽ đánh giá HS và công bố kết quả. | HS sử dụng phiếu để tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau. |

**Bảng tiêu chí đánh giá quy trình và thành phẩm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tiêu chí đánh giá | Điểm tối đa | Điểm đạt được |
| 1 | Nêu đủ các bước ủ giá đỗ | 10 |  |
| 2 | Mô tả rõ hành động, thao tác | 20 |  |
| 3 | Dụng cụ ủ giá, đơn giản, tiết kiệm | 20 |  |
| 4 | Chất lượng cây giá trắng, mập | 30 |  |
|  | Tổng điểm |  |  |

**\* Hiệu quả đạt được:** Học sinh biết vận dụng được kiến thức môn Khoa học tự nhiên vào thực tiễn cuộc sống, tạo ra được một số sản phẩm sạch, phục vụ cuộc sống hàng ngày như: sữa chua hoa quả, giá đỗ, dưa chua, ... Từ các hoạt động đó khắc sâu kiến thức cho học sinh, phát triển các kĩ năng tự học, kỹ năng tìm tòi, khám phá, quan sát thu thập thông tin… cho học sinh. Từ đó, các em ngày càng yêu thích và thấy được mối quan hệ mật thiết giữa lý thuyết và thực hành cũng như tầmquan trọng của môn Khoa học tự nhiên đối với cuộc sống.

**Giải pháp 3. Vận dụng kiến thức môn Khoa học tự nhiên trong việc bảo quản thực phẩm tại gia đình.**

  Sau khi tìm hiểu xong kiến thức bài 22/SGK Khoa học tự nhiên 7 *(Bộ sách Cánh diều):* “Các yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp tế bào”, học sinh biết được tầm quan trọng của việc bảo quản các loại thực phẩm trong gia đình là việc cần thiết trong cuộc sống. Bởi nó giúp cho chúng kéo dài được thời gian sử dụng đồ ăn, thức uống. Bên cạnh đó, bảo quản thực phẩm còn giúp cho thực phẩm giữ lại được nguyên vẹn các chất dinh dưỡng và an toàn thực phẩm khi sử dụng. Từ đó, học sinh đưa ra các cách bảo quản thực phẩm cụ thể với từng loại thực phẩm trong gia đình. Các bước thực hiện cụ thể:

**Mục tiêu:** Học sinh biết và thực hiện các cách bảo quan cụ thể với từng loại thực phẩm trong gia đình sau đó có báo cáo bằng hình ảnh hoặc video cụ thể.

**Nội dung:**HS làm việc cá nhân, cặp đôi hoặc nhóm, vận dụng kiến thức vừa được học và liên hệ kiến thức để thực hiện tại gia đình.

**Sản phẩm:** HS trả lời câu hỏi. Các hình ảnh, video về cách bảo quản thực phẩm trong gia đình.

**Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1**: Nêu và tìm hiểu nội dung thực hiện (Thực hiện trên lớp)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| ***\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập***- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, suy nghĩ trả lời câu hỏi:1. Trong gia đình em, có những loại thực phẩm nào cần bảo quản?2. Gia đình em đã tiến hành bảo quản các thực phẩm đó như thế nào?3. Cách bảo quản thực phẩm trong gia đình đã phù hợp và đảm bảo chất lượng chưa?***\* Thực hiện nhiệm vụ học tập***- HS suy nghĩ, thảo luận nhóm nhỏ, vận dụng kiến thức đã được học và liên hệ kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi của GV.***\* Báo cáo kết quả và thảo luận***- GV gọi học sinh trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến.***\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***- GV nhận xét và chốt câu trả lời. |  |

**Bước 2:** Thực hiện dự án (Thực hiện tại nhà)

\* Chuẩn bị nguyên liệu: Các loại thực phẩm có sẵn trong gia đình cần bảo quản

\* Các dụng cụ, đồ vật liên quan:

- Túi bóng

- Chai lọ nhựa, chai lọ thủy tinh

- Tủ lạnh, dao…

\* Cách tiến hành: Học sinh tiến hành bảo quản các thực phẩm có sẵn trong gia đình đúng cách và phù hợp có ghi lại bằng hình ảnh hoặc video cụ thể và gửi trên padlet chia sẻ cho cô giáo và các bạn.

- Rau, quả tươi: Cho vào túi bóng nhưng để chỗ hở không khí

- Các loại hạt: Phơi khô, cho tứi bóng hoặc chai, lọ đậy kín

- Các loại thịt: Để ngăn lạnh hoặc ngăn đông.

**Bước 3:** Báo cáo kết quả thực hiện

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| Báo cáo kết quả | - Tổ chức cho một số em báo cáo kết quả và phản hồi. - Gợi ý các em nhận xét, bổ sung cho các nhóm khác. | - Các em báo cáo kết quả - Các nhóm tham gia phản hồi về phần trình bày của bạn. |
| Đánh giá | GV hướng dẫn HS tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng. Sau đó, GV sẽ đánh giá HS và nhận xét. | HS sử dụng phiếu để tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau. |

**\* Hiệu quả đạt được:**

Học sinh áp dụng được các cách bảo quản thực phẩm trong gia đình đúng cách và phù hợp để đảm bảo sức khỏe và chất dinh dưỡng có trong thực phẩm. Từ đó nhận thức được ý nghĩa của kiến thức môn Khoa học tự nhiên 7: đối với đời sống hàng ngày và ngày càng yêu thích môn học hơn.

# **III. HIỆU QUẢ THỰC HIỆN BIỆN PHÁP**

## **1. Tính mới**

Với các thức tổ chức hoạt động dạy học tăng cường cho học sinh vận dụng kiến thức vào cuộc sống thông qua các hoạt động học tập cụ thể này học sinh được tham gia trực tiếp vào các hoạt động thực nghiệm nâng cao ý thức bảo vệ sức khỏe cho học sinh; được trực tiếp thực hành tạo ra một số sản phẩm phục vụ trong cuộc sống hàng ngày như làm giá đỗ, sữa chua,…; áp dụng kiến thức môn Khoa học tự nhiên trong việc bảo quản thực phẩm tại gia đình.

Sử dụng ứng dụng Padlet là công cụ trực tuyến hỗ trợ cho phép để thầy cô, học sinh có thể chia sẻ tập tin, file nghe, ảnh, video,... với nhau một cách dễ dàng, giáo viên có thể theo dõi tiến độ, tư vấn, nhắc nhở hoặc hỗ trợ học sinh thực hiện các nhiệm vụ thực nghiệm được giao.

## **2. Tính sáng tạo**

 Sau khi thực hiện “Giải pháp góp phần nâng cao kĩ năng vận dụng kiến thức phần Vật sống - môn Khoa học tự nhiên vào cuộc sống thông qua việc cho học sinh thực nghiệm” đối với học sinh lớp 6A2 và 7A4 tại nhà trường THCS Thị trấn Cát Bà năm học 2023 - 2024, tôi nhận thấy có nhiều kết quả khả quan.

- Các em hào hứng hơn, sôi nổi, tự tin hơn khi học môn Khoa học tự nhiên nhất là các giờ thực hành, thực nghiệm.

- Hình thành cho các em có khả năng suy luận, mở rộng, nâng cao kiến thức, từ đó đã phát triển năng lực tự học, tự sáng tạo, hình thành phẩm chất tự chủ, tự tin.

- Khơi dạy sự tò mò, thích khám phá và tìm hiểu của các em thông qua những kênh thông tin như sách tham khảo, các tài liệu sách báo, trên các trang mạng, trao đổi với nhau dần hình thành kỹ năng hoạt động nhóm, tự học.

- Các em có niềm tin hơn trong học tập, không nản chí trước những chủ đề Khoa học tự nhiên khó, luôn phát huy cao độ tính sáng tạo và khả năng độc lập suy nghĩ, yêu thích môn học và có lòng say mê học tập, đầu tư thời gian, nghiên cứu các tài liệu tham khảo.

- Học sinh biết vận dụng các kiến thức môn Khoa học tự nhiên nói chung, phần Vật sống nói riêng vào thực tiễn cuộc sống như biết cách và thực hiện bảo vệ bản thân tránh một số tác nhân có hại của môi trường, tạo ra được một số sản phẩm sạch phục vụ đời sống…

 **3. Kết quả thực nghiệm**

Kết quả cho thấy số học sinh hứng thú, tích cực học tập môn Khoa học tự nhiên và chất lượng học tập môn Khoa học tự nhiên đã được nâng cao rõ rệt.

*Bảng 3. Kết quả khảo sát hứng thú học tập môn Khoa học tự nhiên sau khi thực hiện biện pháp.*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tổng số học sinh | Đam mêbộ môn | Yêu thíchbộ môn | Không thíchbộ môn |
| Lớp 6A2 | 50 | 18 | 32 | 0 |
| Lớp 7A4 | 42 | 20 | 22 | 0 |

*Bảng 2. Kết quả khảo sát chất lượng học tập sau khi thực hiện biện pháp*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp | Tổng số HS | Điểm 9,10 | Điểm 7,8 | Điểm 5,6 | Điểm < 5 |
| SL | Tỉ lệ % | SL | Tỉ lệ % | SL | Tỉ lệ % | SL | Tỉ lệ % |
| 6A2 | 50 | 15 | 30 | 21 | 42 | 13 | 26 | 1 | 2 |
| 7A4 | 42 | 12 | 28,6 | 18 | 42,8 | 12 | 28,6 | 0 | 0 |

# **IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

## **1. Ưu điểm**

- Giải pháp có tính khả thi cao, dễ triển khai, dễ thực hiện, ít tốn kém về kinh tế.

- Học sinh được tham gia trực tiếp vào các hoạt động thực nghiệm nâng cao ý thức bảo vệ sức khỏe cho học sinh; được trực tiếp thực hành tạo ra một số sản phẩm phục vụ trong cuộc sống hàng ngày như làm giá đỗ, sữa chua,…; áp dụng kiến thức môn Khoa học tự nhiên trong việc bảo quản thực phẩm tại gia đình.

- Sử dụng ứng dụng Padlet là công cụ trực tuyến hỗ trợ cho phép để thầy cô, học sinh có thể chia sẻ tập tin, file nghe, ảnh, video,... với nhau một cách dễ dàng, giáo viên có thể theo dõi tiến độ, tư vấn, nhắc nhở hoặc hỗ trợ học sinh thực hiện các nhiệm vụ thực nghiệm được giao.

- Góp phần kích thích sự hứng thú học tập, nâng cao kĩ năng vận dụng kiến thức cho học sinh từ đó góp phần nâng cao chất lượng dạy học bộ môn.

## **2. Hạn chế và hướng khắc phục**

- Hạn chế: Để tổ chức được hoạt động giáo viên cần có sự đầu tư về thời gian để thiết kế hoạt động.

- Hướng khắc phục: Để khắc phục hạn chế trên tôi đã tiếp tục nghiên cứu, tìm tòi nâng cao hiểu biết của bản thân để có thể vận dụng linh hoạt giải pháp này vào quá trình dạy học. Trao đổi với giáo viên chủ nhiệm, phụ huynh tạo điều kiện về thời gian, động viên, khuyến khách học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập.

## **3. Khả năng nhân rộng biện pháp**

Với biện pháp này có thể áp dụng các lớp trong khối 6,7 của nhà trường, đồng thời giáo viên có thể lựa chọn các đơn vị kiến thức phù hợp và nhân rộng hơn nữa biện pháp này ở các khối lớp khác.

# **V. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Sách giáo khoa và sách giáo viên KHTN 6,7,8 ( bộ sách Cánh diều).

2. Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình GDPT môn Khoa học tự nhiên*

3. Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể*.